



chǒng huài

宠坏

verb · to spoil (a child, pet, etc.)

Example Sentences

Bié bǎ hái zǐ chǒng huài le
别把孩子宠坏了。

Don't spoil the child.

Nà zhī gǒu bèi zhǔ rén chǒng huài le
那只狗被主人宠坏了。

That dog was spoiled by its owner.

Guò dù nì ài huì chǒng huài hái zǐ
过度溺爱会宠坏孩子。

Excessive doting will spoil the child.

Trace each character, then write the word on your own.

宠	宠	宠	宠	宠	宠	宠	宠	宠	宠	宠
坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏	坏